

Số: /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 382/TTr-SNV ngày 19 tháng 5 năm 2026; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 248/BC-STP ngày 15 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi quy định tại Phụ lục II và dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản

phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Đối tượng áp dụng

Người lao động, người quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công; doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết định giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công và thanh toán kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}), nguyên tắc áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương

1. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc})

Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

a) Địa bàn thuộc vùng III: Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương: $H_{dc} = 0,55$.

b) Địa bàn thuộc vùng IV: Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương: $H_{dc} = 0,35$.

2. Nguyên tắc áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương

a) Việc xác định các xã, phường, đặc khu thuộc vùng III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định từng thời kỳ.

b) Sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí nhà nước do doanh nghiệp thực hiện phát sinh trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) của vùng đó. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công do một doanh nghiệp thực hiện được phát sinh trên nhiều địa bàn khác nhau thì sản phẩm, dịch vụ công thực hiện phát sinh trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) của vùng đó.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này được áp dụng để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Đối với các dự toán đã được thẩm định, phê duyệt, hợp đồng đã ký kết, nghiệm thu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được điều chỉnh dự toán, giá trị hợp đồng nhưng đảm bảo không làm vượt tổng dự toán được giao theo quy định tại Quyết định này; đối

với các trường hợp hợp đồng đã được thanh lý và quyết toán thì không điều chỉnh theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.
2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các Quyết định sau hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc